

PHAN-KÊ-BÍNH và Ed. NORDEMANN

p. 2.205

Hai bản Việt-văn về
TẾT TRUNG-THU

Lời chú giải của Maurice DURAND — VŨ-TIẾN-SÁU dịch những lời chú giải

(Trích ở tạp-chi Dân Việt Nam số 1 — tháng V, 1948)



HANOI
NHÀ IN THỜI-SỰ
1948

LISTE DES COLLABORATEURS

- M.M. Paul LEVY, Directeur de l'Ecole française d'Extrême-Orient.
Maurice DURAND, membre de l'Ecole française d'Extrême-Orient.
NGHIEM-ĐĂNG, licencié en droit.
TRẦN HÀM-TẤN, assistant de l'Ecole française d'Extrême-Orient.
MỘC-NGEĨA, détaché à l'Ecole française d'Extrême-Orient.
NGUYỄN-BÁ CHÍ, architecte diplômé de l'Ecole Supérieure des Beaux-arts de l'Indochine (section d'architecture). — Chargé auprès de l'Ecole française d'Extrême-Orient de la conservation des monuments historiques du Tonkin.
TRẦN-QUANG-TRÂN, diplômé de l'Ecole Supérieure des Beaux arts de l'Indochine (section de peinture).

Toute correspondance à « DÂN VIỆT NAM », Ecole Française d'Extrême-Orient
26 Boulevard Carreau, Hanoi (Indochine.)

Gérant : Paul LEVY

TẾT TRUNG-THU

của PHAN-KẾ-BÍNH và ED. NORDEMANN

(Lời chú-giải của MAURICE DURAND — VŨ-TIẾN-SÁU dịch)

Chúng tôi đăng nguyên văn sau đây 2 bài nói về Tết Trung Thu. Bài thứ nhất trích ở quyển *Việt-Nam Phong-Tục* của PHAN-KẾ-BÍNH. Ông PHAN-KẾ-BÍNH (1875-1921) là một nhà văn Việt-nam có giá trị, vừa là một nhà viết báo có tài, cũng là một nhà văn sĩ rất thiết tha với sử ký nước Việt. Ông viết tiếng Việt rất giản-dị, tinh-vi và rõ ràng, văn ông bóng bẩy và rất gợi ý.

Bài thứ hai, là một đoạn trích trong sách *Cổ văn-tuyển tập* của ông NORDEMANN. Chính ông NORDEMANN đã sưu tập những truyện mới lạ này triều vua Khai-Nguyên.

1. — Tết Trung-thu

(PHAN-KẾ-BÍNH — VIỆT-NAM PHONG-TỤC — đăng trong Đông-dương tạp-chí, số 26, trang 24-25, năm 1945.)

Rằm tháng tám là tết Trung-thu. Tết này ta thường gọi là tết trẻ-con, nhưng có nhà tốn phí nhiều tiền lắm.

Ban ngày làm cỗ cúng gia-tiên, tối đến bày cỗ thưởng-nguyệt. Đầu cỗ là bánh mặt giăng, và dùng nhiều thứ bánh trái hoa quả, nhuộm các màu các sắc, sặc-sỡ xanh đỏ trắng vàng. Con gái hàng phố, thi nhau tài khéo, gọt đu-đu cho các thứ hoa nọ hoa kia, nặn bột làm con tôm con cá, coi cũng đẹp.

Đồ trẻ con chơi trong tết này, toàn là các thứ bồi bằng giấy, như là: voi, ngựa, kỳ-lân, sư-tử, rồng, hươu, tôm, cá, bướm-bướm, bọ-ngựa,

cho chỉ cảnh hoa, giàn-mướp (1), đèn cù (2), đèn xẻ rãnh (2), đình chùa (3), ông nghề đất (4), con thiềm thừ (5) v.v. Có nhà một vụ tết, bán cả đồ ấy được tới một vài trăm bạc. Mười năm nay họ lại chế ra đồ chơi bằng sắt tây, cũng tranh được mỗi lợi của trẻ con ít nhiều.

Trẻ con tối hôm ấy, dắt diu nhau từng lũ, đám thi nhảy võ (6), đám thi kéo cò (7), đám thi bắt cái hồ-khoan (8), đám thi rước đèn, rước sư-tử (9), trống thanh-la đánh-vang cả đường, tiếng reo ùa rầm rĩ. Lại nơi nọ hát trống quân, nơi kia hát trống quít, cũng chi gọi là cách trưng thu thưởng-nguyệt.

(1) Tôi dịch tiếng « mướp » ra « cucurbitacées », tên một loài cây phần nhiều là rau, đậu. Những giống mướp thông thường nhất ở Bắc-kỳ là mướp đắng = *margose à piquants* = *momordica charantia*, mướp tầu = *pipengalles* = *luffa acutangula*; mướp ta = *petoles* = *buffa cylindrica*. (Xem quyển Sách rau, đậu Việt-Nam, tác-giả J. LAN, Hanoi 1905, trang 47-53).

(2) Có rất nhiều kiểu đèn chơi về dịp tết trung Thu. Phần nhiều người ta gọi những đèn đó bằng những tên đồ dùng hay loài vật mà những đèn đó làm tiêu-biểu. Đoạn sau đây cho ta biết rõ sự quan-niệm về những kiểu đèn mà dân Viễn-đông làm ra trong dịp hội hè: « Một vài đèn kiểu lập-phương, lại có kiểu tròn như quả bóng, có kiểu như đĩa-bát, hoặc vuông, tet và mỏng, có kiểu làm giống loài vật 4 chân hay 2 chân có kiểu đèn làm có thể lặn ở mặt đất như một hoả-cầu vì lửa đốt ở trong đèn đó cháy luôn trong khi đèn đó lặn trên mặt đất. Còn có thứ đèn giống con gà sống và ngựa đặt trên những bánh xe nhỏ. Còn có thứ đèn khi người ta thắp nến hay bấc có dầu thì nhiều bộ-phận ở trong quay vòng tròn: vì rằng khi nóng ngọn đèn khi bốc lên làm cho những bộ phận đó quay tròn cho đến khi nào ngọn đèn đó tắt thì mới thôi. Thường người ta đính vào những bộ phận đó những tranh ảnh. Những đèn này làm rất tinh xảo và rất khéo. Có đèn thì ngoài giàn những giấy cắt có chữ: Phúc, Lộc, Thọ, Hỉ. Khi đốt những đèn đó lên thì những chữ kẻ trên nom rõ ràng lắm. Còn có đèn làm giống hình người, hình trẻ con và những vị xưa nay ta vẫn thờ như thần Quan-Âm. Thị Kính bồng trẻ trong tay. Nhiều kiểu đèn có cán, có chuỗi để cầm, còn có thứ đèn làm có thể đặt áp lưng hoặc đặt áp vách. Phần nhiều những kiểu đèn đó thì sơn đen, đỏ, vàng, nhưng chủ ý về màu đỏ hơn vì màu đỏ tiêu biểu sự vui mừng trong những ngày hội. Những thứ đèn đất nhất và đẹp nhất thì căng bằng thứ thêu trắng hay lụa mỏng màu trắng, có vẽ bằng đủ các màu những cảnh-trí về sử-ký, những vị hay những đồ vật thờ hay những bài-trí vui vẻ (theo sách *Social life of the Chinese*, tác-giả JUSTUS DOOLITTLE, London 1868 trang 385 và 386).

Nhiều người ngoại quốc thông thạo tiếng Việt-nam gọi đèn « cù » một kiểu đèn có nan uốn hình tròn bằng gỗ có cán giải. Nan uốn quay vòng chung quanh vì khi nóng bởi một ngọn nến cháy bốc lên. Trung quanh nan đó thì có dán những hình người bằng giấy như một quân-đội đang tiến-hành với ngựa, voi, vãn vãn. » (Xem sách *Văn Học Việt-Nam*, tác-giả CORDIER, Trích-văn, trang 132) Nhưng những thứ đèn đó thường gọi là đèn kéo quân. Và tên « đèn cù » thì dùng để chỉ những đèn thường

tree khi có hội hè lớn. Vả lại, đèn xẻ rãnh ám chỉ những thứ đèn quay giống như kiểu đèn kéo quân hay đèn cù. Người làm đèn mà tôi đã nêu chỉ dẫn cũng không biết phân biệt một cách rõ ràng những thứ đèn đó. Hình như những tên đó đặt ra thì có chủ ý hoặc về cái khung tròn quay của cái đèn, (đèn cù) hoặc về những hình bán diện đính ở trong cái khung (đèn kéo quân), hoặc về một phần trong các cơ-quan ở cái đèn (đèn xẻ rãnh). Những đèn quay vòng tròn thì có thường ở trong nước Trung-hoa. Ở Bắc-Ninh thì những thứ đèn đó gọi là « tầu mã đặng » (đèn ngựa chạy).

(3) Đấy nói về những đèn, chùa nhỏ làm bằng giấy.

(4) Những ông tiến-sĩ bằng đất. Đó là những tượng nhỏ làm bằng đất sét và bồi bằng giấy. Đấy là một thứ đồ chơi của trẻ con và có ý làm tiêu biểu sự nghiệp của trẻ sau này.

(5) Thiềm-thừ trên cung giăng. Thần-thoại học ở Trung-hoa có đặt trên cung giăng một con cóc, gọi là Thiềm-thừ. Đó là một con cóc linh-diệu, thọ rất lâu, vì rằng cung-giăng là chốn lưu-trú của các vị bất tử. Lại có truyện thần-tích kể rằng : xưa THƯỜNG-NGA là vợ của HẬU-NGHỆ, khi lấy trộm của chồng được được phẩm truyền sự bất-tử, thì trốn lên cung-giăng và thay hình đổi giăng ra con cóc. Nên trên mặt giăng ta nom thấy hình hơi giống con cóc là thế.

(6) Nhảy vô (nhảy vào). Đó là một cách chơi, nguyên-tắc như sau này : trẻ con chia ra làm hai phái. Trong một phái, thì trẻ con ngồi sôm chung quanh một cái vòng tròn và nắm tay nhau. Còn những trẻ con ở phái kia thì tìm cách nhảy vào vòng tròn đó qua những nắm tay của phái thứ nhất. Khi nào thấy trẻ chực nhảy vào thì ngăn cấm, đứng và giơ tay lên để làm ngã những trẻ chực muốn nhảy vào. Nếu một trẻ nhảy vào được vòng tròn đó, thì các trẻ ở phái đó cứ việc tiến vào theo một lối. Khi đã vào đủ rồi mà muốn ra thì cũng lại phải tìm cách làm như khi muốn vào.

(7) Kéo co (Kéo vào mình — thu sức lại và lôi rất lùi) Nguyên-tắc cách chơi đó như sau này : trẻ con chia và đứng ra làm hai phái, một vạch giới kẻ ở dưới đất để phân rẽ đôi bên. Trong mỗi phái, trẻ phải ôm ngang lưng nhau và khi lệnh đã ra thì hai trẻ đã ở phái phải tìm cách bắt lấy tay nhau và lôi kéo phái kia về địa-phận của mình. Phái nào đã bị lôi kéo về địa phận phái kia, qua vạch đã kẻ thì phái ấy bị thua.

(8) Bắt cái hồ khoan. Câu này khó mà giải nghĩa được rõ ràng. Câu đó có thể chia làm hai đoạn : « bắt cái » và « hồ khoan », là hai câu chủ-đề thông thường của những bài hát mà trẻ con vừa đi vừa hát hôm rằm tháng tám ở ngoài phố và lúc lắc đèn bằng giấy cầm tay. Câu chủ-đề đó đủ biểu thị cách chơi kéo nhau đi thành hàng, nên khi người ta nói « chơi bắt cái hồ khoan » hay « chơi hồ khoan » thì cũng như ở bên Pháp người ta nói « chơi hành liệụ mà giữ » hay « chơi trên cầu Avignon » vậy.

« Hồ khoan » có thể dịch gượng ra tiếng Pháp bằng : « Hồ, kéo cho đều ? nhẹ chứ ? Thong thả chứ ? » vân vân. Tiếng « Hồ » có người hiểu là hò, dờ, giỡ, là một tiếng để khuyến dụ, hò hào, hò hét cho nó có tiết-điệu. Còn tiếng « khoan » thì nghĩa bí ẩn.

Trong tự-điển, tiếng đó viết ra chữ nho thì chỉ có giá-trị về ngữ-âm thôi, không có cho ta rõ về ý nghĩa của nó. Ta có nên tin tiếng đó có nghĩa là « nhẹ chứ » hay chỉ là tiếng « hoán » biến dạng thôi ? Như trong câu « hô-hoán » để gọi « cầu-cứu, hoặc để đuổi bắt ai » chẳng ? Tôi không nghĩ như vậy.

Còn về câu « Bắt cái » ông NGÔ QUÝ SƠN, trong một cuộc điều-tra về « hoạt-động của xã-hội Đông-Áu Việt-Nam » (Tập-chí của điện Nhân Cháng-Học Đông-Dương, 1943, trang. 145) có giải nghĩa câu đó, nhưng không có giải minh bản văn hai đoạn ca mà

ông viện ra. Ông viết : « Trước khi kéo nhau đi thành hàng thì trẻ bắt thăm bằng cách ai rút được cái rơm nào ngắn nhất thì là trưởng-đoàn. Như vậy trẻ gọi là « bắt cái ». Rồi thành ra « bắt cái hồ khoan ».

Xét về tâm-lý, nếu trong một bài hát mà cứ hát đi hát lại đề nhắc một cái điều tiết lặp vật duy-nhất tâm trước khi chơi thì có lẽ khó hiểu.

Nếu « bắt cái » chỉ cách « chọn anh trưởng-đoàn » thì phải nhận rằng : cứ đến một đoạn ca khác thì trẻ lại phải đổi anh trưởng-đoàn, nên có tiếng « này » làm cho câu « bắt cái » được hợp thời.

Ông quá cố NGUYỄN VĂN-VĨNH cũng không hiểu cái mối-quan hệ của hai câu « bắt cái » và « hồ khoan » và cách dùng hai câu ấy trong những bài hát đã nói trên (xem NGUYỄN VĂN-VĨNH, *Trẻ con hát, trẻ con chơi* » trong *Tứ Dân Văn Uyển* số 1, tháng 5 dương lịch 1935 trang 10).

Trong một bản báo-cáo về hai tập *Hát và ngôn-ngữ Việt-Nam* (BEFEO., pho XXIX, trang 379) ông GASPARDONE dịch « bắt cái, bắt cái » một cách rất giản-đị là : « *Bắt lấy, bắt lấy* ».

Bắt cái ! Bắt cái — Hồ khoan !

Tôi là con gái kẻ Mơ — Hồ khoan !

Tôi đi bán rượu, tình cờ gặp anh — Hồ khoan !

Bắt cái ! Bắt cái ! Hồ khoan !

Tôi là con gái Tráng Sinh — Hồ khoan !

Tôi đi bán rượu qua đình ông Nghè — Hồ khoan !

Tiếng động-từ « bắt » đây có nghĩa đen là « bắt ». Còn tiếng « cái » tuy rằng không dịch cho ra nhưng theo ý tôi thì tiếng đó là một phụ-ngữ thông thường của tiếng Việt-nam. Đặt ở đây thì là đại-danh-từ bổ-ngữ. Nên tôi không ngần ngại dịch « *Bắt cái, bắt cái hồ khoan* » ra là : « *Attrapons-le ! Attrapons-le ! Ho Ohé* ».

Nhưng, đầu kỳ thủy tiếng « cái » dùng để chỉ gì ? Có phải một trẻ trong đám chơi đó không ? Một vật gì mà những trẻ con chơi ước ao có không ? Thực ra về tiếng đó chưa có thuyết minh nào có thể gọi là mãn-nguyên được.

Trong vài bài hát ta có thấy câu « bắt cá » thay vào câu « bắt cái ». Vài nhà văn cho câu « bắt cá » là một câu cải-dạng. Ông LÊ KHÁNH-VÂN, một nhà văn có tài rộng, đã có nhã ý nói cho tôi biết một thuyết nữa của ông thân-sinh về câu « bắt cái hồ khoan » : « Tục ngữ » bắt cái hồ « khoan » là nhăm. Ở Trung-kỳ có xứ Ba-giội, thân sống xứ ấy, phần nhiều « Thuyền bè đi lại ngộ hại. Tương truyền sau có ông PHÙNG KHẮC-KHOAN làm quan xứ ấy, trừ được thân sống. Vì thế dân xứ ấy tránh được khỏi nạn ; vậy nên các người đi đánh cá, hoặc trở thuyền hành khách, lúc trở thuyền thường hô : « bắt cá, bắt cá, hồ khoan », nghĩa là hô ông KHOAN, cho thân sống « sợ vậy thì được yên ».

Cái cách thuyết-minh đó rất thông thường trong văn-hóa Trung-hoa và Việt-nam. Khi nào gặp phải một tiếng, hoặc một đoạn nào khó thuyết minh cho trôi chảy được thì hay viện ra một truyện hay là nghĩ ra một truyện hoang-đường trong đó có người thực hay tưởng-tượng để dùng những danh nghĩa đó hoặc hành-vi để thuyết minh cho xuôi. Như những thuyết đó không thể theo được.

Trong trường hợp này, không có bằng chứng nào chắc-chắn có thể xác định được rằng thuyết-minh của ông LÊ KHÁNH-VÂN đúng sự thực. Có lẽ ông PHÙNG KHẮC-KHOAN, là một ông quan, anh em với ông NGUYỄN BÌNH-KHIÊM biệt hiệu là TRẠNG-TRÌNH,

người anh hùng hào kiệt đã có tiếng trong dân gian vì nhiều truyện hoang đường. Ông PHÙNG KHẮC-KHOAN nổi tiếng vì đã quyển-luyện nhà Lê (xem PHAN KẾ-BÍNH *Nam Hải dị nhân*, Hà-nội, 1912, trang 89 đến 91). Ông được lòng dân Thanh-hóa lắm, vì từ đó ông theo nhà Lê để tranh giành lấy lại quê cha đất tổ, bị nhà Mạc cướp mất ngôi và chiếm mất Bắc-kỳ. Nên không lấy gì làm lạ nếu dân Trung-kỳ bịa ra một truyện hoang đường để phỉnh phờ một ông quan cao-cấp có giá trị và đề tấu tụng như một vị thần bảo-hộ cho những tên thủy-thủ.

Nếu ta thừa nhận rằng câu «bắt cá hồ khoan» là câu khởi nguyên của câu «bắt cái hồ khoan», truyện hoang đường kể trên không thuyết minh tại sao trò chơi đó chỉ thấy bày ra về dịp tết Trung-Thu và chỉ là một đám rước đèn với những hát có điệu thối.

Nếu ta so sánh hai bản-văn trên, thì ta ghi được nhiều chỗ tương-tự hiển nhiên. Trò chơi đó chỉ là một trò chơi ngày tết Trung Thu và là một trò chơi ban đêm: đại khái rước đèn đi các phố và làm huyền nói. Phải tìm đề bắt cho được một vật gì hoặc một người nào (và nếu ta thừa nhận cái thuyết-minh «bắt cá» thay vào «bắt cái») hoặc bắt một, vài con cá. Và lại những đèn trưng bày trong trò chơi là phần nhiều làm kiểu hình con cá.

Truyện cá chép hay làm hại thi thật huyền bí: đêm hôm rằm tháng 8, cá chép hiện ra hình người và đi các phố để tìm người mà cắn dở. Cá đó chỉ sợ những đèn làm giống hình cá và treo trước cửa nhà (bản-văn của ông Nerde-mann) hay là rước đi các phố (bản-văn của ông Phan-kế-Bính).

Những sự so sánh đó có thể dẫn ta đến một thuyết sau này: khởi nguyên, cái trò chơi «bắt cái hồ khoan» hình như là một cuộc đuổi bắt một vĩa cá trong đêm hôm rằm tháng tám. Theo thuyết đó, thì câu «bắt cá» có nghĩa rõ ràng và câu «hồ khoan» thì không có nghĩa và cốt dùng để lấy dịp thối. Tiếng kêu hò hét, om sòm là lối thường phụ vào một cuộc trừ tà. Còn tiếng «này» là một tiếng hợp-thời để khuyến khích những người trong cuộc để họ theo đuổi riết hung-vĩa đó thối. Vĩa đó, đứng về một phương diện khác tiêu biểu những ảnh-hưởng xấu đối với vận người mà ta phải trừ khi lối tau-phân, là lúc có sự thay đổi trong vận-vật và là lúc âm-dương đang tranh đấu, theo như huyền-học Trung-hoa.

Cá chép thuộc về Dương mà đến lúc này trong năm phải nhường bộ cho Âm. Rằm tháng tám thì Âm bắt đầu thịnh hành và trong mùa đông sẽ thắng Dương. Trong các sự tín-ngưỡng ở Viễn-Đông thì cá chép hình như thuộc về Dương.

Ở bên Nhật-bản, cá chép biểu-tượng nam-tính, nên đến ngày hội trẻ con trai tháng năm dương lịch, trên các nhà, vẫn thấy phát phơ những hình ảnh cá chép làm bằng giấy, để cho biết là nơi tụ họp các trẻ con trai. Cái số cá chép bằng giấy đúng với số con trai ở trong gia-đình và cá phải tùy thời hoặc mới nuôi hoặc nuôi đã lâu. Sau nữa, cá chép biểu-tượng những tích hàng đũng như nhẩn nại, tích can-dảm và ý-lực (Xem Tamotsou IWADO, *Les enfants au Japon*, Bibl. EFEO., cote 8°, 7618 (1)).

Bên Trung-hoa, cá chép tiêu-biểu người học-sinh chân-chỉ và kiên-gan, rồi sau này khi đi thi sẽ đỗ đạt. Truyện thần-tiêu có nói cá chép sẽ thành công về mùa hạ là mùa mà Dương sẽ nắm chủ quyền, về tháng tự. Khi tràn qua

Tục rước đèn bầy cõ, chắc do ở điển vua Đường Minh-hoàng. Hôm ấy là ngày sinh-nhật vua Minh-hoàng (10), truyền cho thiên-hạ đầu đầu cũng treo đèn, bầy tiệc ăn mừng, rồi ta cũng theo mà thành tục.

được dòng nước của Sông Hoàng-Hồ, cá chép đi đến « Long-môn » rồi vượt được qua cửa đó.

Truyện cá chép tiêu-biểu tiêu sử người học-sinh đã chịu khổ một cách can-đảm để thắng trong các khoa-thi rồi sau làm nên đến quan-chức.

Ông NGUYỄN VĂN-HUYỀN trong một bài nghiên-cứu đăng trong báo *Indochine* (ngày 24 tháng 9 năm 1942) có đăng một thông tặc ở Việt-Nam về cá chép đuổi bắt cái bóng mặt trăng phản chiếu trong nước. Ta có thể đoán rằng hình ảnh đó ám chỉ một cuộc chiến-đấu giữa « Âm » và « Dương » và những sự gắng sức vô ích của « Dương » (là con cá chép) để thắng « Âm » (mặt trăng không thể bắt được).

Nên dân-gian trong năm tháng tám có tổ ý trợ lực sự sinh trưởng của một thời tiết tốt và bố-trận để khởi « Dương » hoành-hành. Vì nếu « Dương » thắng trong thời buổi đó trong năm thì sẽ có sự hỗn-loạn to trong tứ thời tuần hoàn.

(9) *Rước sư tử*. Trong khi rước thì sư tử múa. Người ta làm một đầu sư tử thật to. Trên những cái nan bằng tre, người ta dán giấy và làm ra một đầu sư tử có vẽ sơn. Dính vào cái đầu đó thì có thân con sư tử làm bằng một miếng vải trắng sơn sặc-sỡ. Một người cầm đầu sư tử và một người nữa cầm thân sư tử. Người thứ ba đỡ hoặc khuyến-kích sư tử bằng một quả tròn gọi là hòn ngọc hay là quả nhật-chương mà ta thường nom thấy con rồng vẫn châu hoặc theo đuổi trong mỹ thuật Trung-hoa. Sư tử tìm cách để bắt lấy hòn ngọc nên nó phải nhảy đủ chiều và phải theo hòn ngọc đó qua các phố. Một bọn trẻ con theo đám múa, trẻ thì cầm đèn, trẻ thì cầm cờ, trẻ thì đánh trống, đánh chũm chọe, hay là thổi kèn. Hình như trò chơi múa sư tử này do bên Ấn-độ đem sang bên Trung-hoa và tự Trung-hoa trò đó đã lan sang các nước thuộc văn-hóa Trung-hoa và kỳ thủy trò đó là một lễ nghi để trừ đuổi những quỷ-thần bất thiện.

(10) Minh-Hoàng, Hoàng-Đế thứ sáu đời nhà Đường, là một danh nhân trong Văn-học bình dân, trị vì từ năm 712 đến năm 756. Tên tục là LÝ-LONG-CO. Vẫn thấy gọi bằng tên lúc còn nhỏ là A-MAN. Còn tên theo thứ-tự trong gia-đình là TAM-LANG, vì ngài là con trai thứ ba của Hoàng-đế Duệ-Tôn. Tên ngài khi lên ngôi là Huyền Tôn Minh Hoàng-đế. Văn-học Việt-nam thường vẫn gọi ngài là Minh-Hoàng. Vừa là văn-sĩ, nhà mỹ-thuật, nhà thi-sĩ, nhà âm-nhạc, vua Minh Hoàng trị nước một cách khôn ngoan trong mấy năm đầu. Sau này, ngài đắm đuối thói dâm-dãng nên bị quyền áp chế của DƯƠNG-QUÝ-PHI và dùng những quần-thần hầu hạ toàn là những hoạn-quan không hợp ý dân và ham mê say đắm những thủ đoạn vô lý của Đạo-giáo. Vì có cuộc mưu-phản nên những sùng-thần cùng vợ hầu là DƯƠNG-QUÝ-PHI đều bị giết. Chính nhà vua cũng bị truất ngôi năm 756 và con giai lên kế ngôi (xem GILES, *A Chinese biographical dictionary* no 1172).

Tục rước đèn thì do từ đời nhà Tống. Vì tục truyền rằng: trong đời vua Nhân-tôn (11), có con cá chép thành yêu, cứ đêm giăng hiện lên làm con gái mà đi hại người. Bấy giờ ông Bao-công (12) mới sức cho dân gian làm đèn con cá giống như hình nó mà đem dong chơi ngoài đường, để cho nó sợ mà không dám hại người nữa. Lời ấy huyền hoặc lắm, vị tất đã thực.

Tục hát trống quân (13) thì do từ đời Nguyễn-Huệ bên ta mới bày ra. Nguyên khi ông đem quân ra bắc, quân sĩ lắm kẻ nhớ nhà. Ông ấy mới bày một cách cho đôi bên gái làm giai gái hát đối đáp với nhau, để cho quân sĩ vui lòng mà đỡ nhớ nhà. Có đánh trống làm nhịp, cho nên gọi là trống quân,

(11) Nhân-Tôn. Hoàng-Đế Trung-Hoa trị vì từ năm 1023 đến năm 1063 sau Chúa giáng-sinh.

(12) BAO-CÔNG. Tên tục là BAO-CHUNG. Một pháp-quan có tiếng thanh-liêm và trang-nghiêm. Ông sống đầu thế kỷ thứ 11. Người ta xác-định ông chết vào năm 1062. Người ta thường gọi ông là BAO-LONG-ĐỒ hay quan Thường BAO vì trước ngài có làm phó-trưởng-ấn. Tiếng « Công » chỉ một vinh-hàm. Ông có tên trong cuốn pháp-nghị tưng-thư *Long-Đồ Công-Ấn* mà người ta đoán ông là tác-giả.

(13) Hát trống quân. Ông PHAN-KẾ-BÍNH cho câu « hát trống quân » nghĩa là hát của cái trống cầm quân hay là hát theo nhịp trống cầm quân. Còn « trống quân » nhiều khi giải thích một cách không giống nhau và cũng không may mắn.

Ông NORDEMANN thì cho « trống quân » nghĩa là « giầy trống quân » (xem *Cổ Văn tuyển-tập Việt-Nam*, Hanoi, 1898, trang 283). Ông ta tả kỹ càng cái đàn bầu có một giầy mà ngày nay ta dùng để hoà vào cách hát đó. Vì rằng những người hát, đàn ông, đàn bà chia ra làm hai phe hay đối trọi nhau, nên ông NORDEMANN cho rằng tiếng « quân » nghĩa là « bọn, phường », Trong quyển *Tiểu Luận Văn Chương Việt-Nam — Hát Ca Dao*. Hanoi, 1920: trang 10 và trang sau), ông Georges CORDIER có viết một bài dài về hát trống quân.

Ông CORDIER bác lý-thuyết « trống quân » của ông NORDEMANN và chú-giải câu « trống-quân » như sau này: « Hát trống-quân hay là hát có kèm trống (mà nhiều nhà tác-giả cho là trống của quân đội nhà binh) là vì có cái đàn mà người ta đánh vào để lấy nhịp ». Ông cũng có kể cả cái đàn bầu mà ông NORDEMANN đã tả. Sau rồi, ông lại vin vào một thuyết-minh của nhiều nhà văn Việt-Nam: « Câu trống quân có lẽ là câu « tổng-quân » cái biến; « tiểu một nhân-vật » đời xưa là một câu hát biệt-ly. Hình như lệ đời xưa, khi nào một nhân-vật bỏ một địa-phương thì bạn-bè tiễn cho đến một chỗ nào đó. Đến chỗ đó thì giở ngay đàn bầu ra và mỗi người lần lượt hát một bài; trong khi hát có điểm những tiếng đánh vào giầy đàn.

Thuyết-minh đó thì không thể dung hoà được với nguyên lai của hát trống quân, vì cách hát này là một cách chơi của đám trẻ giai, gái. Tiếng « quân » thì ông CORDIER không nhận có nghĩa là « đám bọn trẻ ông viết » : vì nếu trong cách chơi này chỉ có đám thiếu niên thôi, thì người ta đã viết chữ nho bằng một chữ khác chữ này.

Ông Ngô-quý-Son dịch trống quân ra là « trống » và « quân » (Hoạt động của xã-hội đồng-ấu Bắc-kỳ, *Bull. IEH.*, 1943, trang 92) và không thấy nói đến cái giầy đàn. « Trống quân, lời ông nói, nghĩa đen là « trống » và « quân » là một cách hát đáp đối. Trong khi đó giai, gái kể truyện tâm-sự bằng những câu hát mà họ ứng khẩu ra và có đệm bằng những tiếng trống. Họ hay hát độ vào những đêm có giăng trong và nhất là vào dịp Tết Trung-Thu.

Thuyết-minh của ông PHAN-KẾ-BÍNH là giản dị nhất và có thể dung hoà được nhiều lý-thuyết khác nhau và cũng không đụng chạm đến chủ đề của cách chơi đó. « Trống quân » chỉ kỳ-thủy một cái trống để ra trận ; sau này, vì không có trống nên người ta mới dùng giầy đàn để bắt chước tiếng trống. Xen câu « trống quân » vẫn dùng để chỉ một cách hát, dù cách hát đó không có kèm tiếng trống. Cũng vì thế nên muốn chỉ giầy đàn bầu thì người ta vẫn nói « giầy trống quân », một thứ giầy mà tiếng có thể giống tiếng quân được.

Nhưng nếu lý-thuyết về « Hát trống quân » của ông PHAN-KẾ-BÍNH thuật lại có thể cho là một thuyết-minh nghe được, thì cách hát trống quân về dịp Trung-Thu không phải mới có từ đời NGUYỄN-HUYỆ (cuối thế kỷ thứ 18) mà có từ thượng cổ và cũng là một cách tiêu-biểu một xã-hội có đã lâu đời.

Quân của NGUYỄN-HUYỆ, khi ra mặt trận, thì hay tiếc cái đời sống yên-tĩnh của họ ở thôn giã và nhất là những cuộc hát đáp đối mà giai gái kể lể cho nhau nghe những ý tưởng và hy-vọng của họ. Muốn thiết-lập ở mặt trận những cách tiêu-khiển thường có ở hậu-phương đó, thì NGUYỄN-HUYỆ dụ quân lập ra cái cảnh hát trống quân và một lớp quân đóng giả làm con gái. Không có quang cảnh nào làm cho khán giả vui thú cho bằng những cuộc hát đó có đệm bằng những câu sống sượng, lục lử và phóng-đăng.

Nên có một tên mới dùng để chỉ cách hát cổ đó. Còn về họa hát thì tự nhiên quân đội họ đánh dịp bằng cái « trống quân » rồi sau này người ta thay bằng cái đàn mà nhiều nhà văn gọi là « giầy trống quân » (CORDIER, đoạn đã viện ra trên).

NGUYỄN-VĂN-HOYÊN, *Hát trống quân của trai, gái ở Việt-Nam (Collection Mélanges Austro-Asiatica, Paris, 1934, III, trang 26 đến 33).*

André SCHAEFFNER, *Origine des Instruments de musique, Paris, Payot, 1936, trang 146-149).*

II. — Tết Tết : « Rằm tháng tám » Theo chữ là : « Trung-thu Tiết »

NORDEMANN *Cổ-văn tu-jên-tập Việt-nam*, Hà-nội, 1898, số 49, trang 42.

Ngày hôm tết ấy là giữa mùa thu, cho nên, theo chữ, gọi là « Trung-thu-tiết ». Hôm tết ấy, nhà ai cũng làm cỗ cúng ông vải; đèn tối thì uống rượu, trông giăng, để nghiệm mùa làm ruộng. Hễ giăng trong thì được lúa mùa (14), đục thì được lúa chiêm (14); mà ngộ không có giăng thì mất cả hai vụ. Vì thế tục cũng gọi tết ấy là tết « trông giăng ».

Đến đời nhà Đường, vua MINH-HOÀNG (10), tối hôm ấy, đi mấy thầy đạo sĩ, (15) lên chơi cung Quảng-Hàn (16) ở trong mặt giăng, thấy

(14) Gạo tháng mười, gạo chiêm là gạo tháng năm.

(15) Đạo sĩ. Nhiều tăng Đạo-Giáo cũng có thấy nói rõ tên những lữ-bạn của Minh-Hoàng. Tục truyền rằng : Chủ-lễ của Đạo-Giáo tên là THÂN-THIÊN-SU và thầy pháp-sur LA-CÔNG-VIÊN có đi hộ vệ trong cuộc lữ-hành của Minh-Hoàng (xem PETILLON, *Allusions littéraires*, trang 189,4). Nhiều tục-truyền rằng : trong cuộc lữ-hành đó chỉ thấy có LA-CÔNG-VIÊN ; nhiều tục-truyền nữa chỉ thấy nói đến thầy DIỆP-PHÁP-HỈ thôi (xem GILES, *A Chinese biogr. dict.* n° 1389 và 2442). Nhưng người ta đồng ý nói rằng : LA-CÔNG-VIÊN có vút gậy hay thất lưng lên giới để làm một cái cầu cho Hoàng-Đế lên cung giăng. Khi ngài trở về trần-gian thì ngài say đắm âm-nhạc và khiêu-vũ ở cung-giăng đến nỗi ngài lập ngay một gánh hát bội mà ngài dạy cho những khúc nhạc và nhịp-bước mà ngài đã tham dự trên cung giăng. Gánh hát đó đặt tên là « Lê Viên Tử Đệ ». Hiện nay bên nước Trung-Hoa vẫn gọi kép hát là « Lê Viên » (xem GILES, *A Chinese biogr. dict.* n° 1389 ; BREDON and MITROPHANOV, *The Moon Year*, p. 410 et suiv.).

(16) Quảng Hàn. Cung-giăng là Thiên-đường, là chỗ những vị bất-tử ném những sự khoái lạc rất tinh vi. Theo nghĩa rộng thì là mặt trăng. Đó là lâu-đài mà chị THƯỜNG-NGA hoặc HẰNG-NGA ngự (xem chú thích số 5).

Tiếng hình-dung-ngữ « hàn » có thể giải nghĩa là bên Trung-Hoa có tin rằng : mặt trăng thuộc về âm cũng như các chất lỏng, hắc ám, khí lạnh vân vân... (về mặt trăng và các truyện thuộc về cung giăng, xem quyển *Les fêtes annuelles à Emoui*, DE GROOT, trang 488 và những trang sau, BREDON and MITROPHANOV, *op. cit.*, vv...).

Câu Quảng Hàn thông dụng trong thi-học Việt-Nam. Những câu thơ sau đây của ông PHAN-MẠNH-DANH, nhà văn sĩ tinh-túy và là nhà thi-sĩ thanh-nhũ, chết năm 1942, đã chứng nhận :

« Quảng Hàn lạnh lẽo bao la lắm
Giấc ấy êm không, hỡi chị Hằng »?

hơn mười cô nàng tiên ra sân múa hát hay lắm. Khi vua trở về mới chế ra khúc Nghê-Thường (17) như lúc xem trên cung Quảng-Hàn, bây giờ gọi nôm là : múa bài bông (18). Sau, dân bắt chước, làm ra những thức đèn cù, đèn máy bằng giấy, theo các tích ngũ lão, bát-tiên, vân-vân..,

Lại đến đời nhà Tống, có con cá chép vàng, thành tinh; hễ, hôm tết ấy thì nó hiện ra người, đi đố mất những liên bà, con trẻ, hại lắm. Ông BAO-CÔNG (12) thấy thế, tâu vua, sai các dân, nhà nào cũng phải làm đèn cá bằng giấy, treo ở trước cửa, để nó trông thấy cũng giống nó thì nó không đến nữa. Từ đấy dân mới được yên.

Bây giờ hễ đến tết ấy, thì bồi giấy làm ra voi, ngựa, rồng, long-mã, kỳ lân, sư tử, vân vân... mấy các thứ đèn tôm, cá, cho trẻ con đi hồ khoan chơi. Hóa ra tục cũng gọi là « tết trẻ con ».

(17) Vũ khúc tinh hoa. Là một điệu khiêu-vũ. Theo như điệu đó thì những vũ-kỹ đứng xếp ra hai hàng đối diện nhau đeo mỗi bên vai một cái đèn bằng giấy có kết hoa giả (NORDEMANN, *op. cit.*, trang 174.).

(18) Váy hồng-nghê. Phần dưới những quần áo của vũ-kỹ thì nhuộm đủ các thứ màu của cầu mống vòng. Người ta kể lại rằng : DƯƠNG-QUÝ-PHI, cung-tần vua Minh-Hoàng xưa hay thích múa theo điệu một bài hát đặt tên là « Váy-hồng-nghê và áo-ngân có đính lông chim ». Áo đó chính DƯƠNG-QUÝ-PHI đã sáng tác ra. Còn tên áo đó nhắc lại những màu sắc và bản chất những áo mà DƯƠNG-QUÝ-PHI mặc để nhảy theo điệu đó. (Xem Mrs VU LIEN TEH, *Yang Kuei Fei*, Shanghai, 1923, p. 73).